

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 09/01/2022
(Từ 17h00 ngày 08/01/2022 đến 17h00 ngày 09/01/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	39	39	0	0	0	0	3509	923	3285	25
2	H. Lắk	13	12	1	0	0	0	855	720	461	0
3	H. Krông Bông	0	0	0	0	0	0	294	100	229	0
4	H. Krông Buk	10	1	8	0	0	1	1003	853	894	6
5	H. Ea H'Leo	0	0	0	0	0	0	600	110	501	2
6	H. Krông Pắc	1	1	0	0	0	0	574	159	462	5
7	H. Krông Ana	8	2	6	0	0	0	973	574	723	3
8	H. Cư M'Gar	0	0	0	0	0	0	1350	714	1188	8
9	H. Ea Súp	1	1	0	0	0	0	296	90	153	1
10	H. M'Đrăk	0	0	0	0	0	0	179	75	115	0
11	H. Krông Năng	0	0	0	0	0	0	376	250	313	2
12	H. Ea Kar	17	14	0	3	0	0	522	222	351	0
13	H. Buôn Đôn	3	0	2	1	0	0	233	68	184	0
14	H. Cư Kuin	6	0	6	0	0	0	874	529	725	3
15	TX. Buôn Hồ	0	0	0	0	0	0	1365	609	1199	16
	TỔNG	98	70	23	4	0	1	13003	5996	10783	71

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tính đến ngày 09/01/2022 ghi nhận **13.003** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **10.783** trường hợp xuất viện, **71** trường hợp tử vong (02 trường hợp tử vong trong ngày), hiện còn điều trị **2.149** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **46,1%** số ca mắc

- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **695,6/100.000** dân

- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.

- Chi tiết một số chùm ca bệnh (theo phụ lục 1)

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	Tuyên tỉnh	0	1	1			
2	TP.BMT	26	91	48	145	1058	879
3	TX. Buôn Hồ	0	15	2	67	462	759
4	H. Ea H'Leo	0	13	0	58	394	202
5	H. Krông Năng	0	0	0	9	281	254
6	H. Cư M'Gar	3	45	18	192	727	516
7	H. M'Đrăk	0	25	4	35	453	385
8	H. Ea Kar	11	45	92	133	764	917
9	H. Krông Pắc	11	17	12	296	1000	986
10	H. Krông Bông	0	48	18	123	1292	1468
11	H. Krông Ana	0	5	1	15	173	272
12	H. Cư Kuin	0	0	0	4	276	231
13	H. Lắk	0	0	24	0	269	378
14	H. Buôn Đôn	2	39	27	15	358	520
15	H. Ea Sup	-	-	0	-	566	515
16	H. Krông Buk	-	-	0	-	336	179
TỔNG		53	344	247	1092	8409	8461

* Số đang cách ly tính cả từ năm 2021 chuyển qua

b) Khu vực phong tỏa:

- Số khu vực phong tỏa: 301 khu vực; đã giải tỏa: 259 khu vực
- Còn lại: 42 khu vực đang phong tỏa.

(Cập nhật chi tiết tại đường link <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1FToKXiONnwUTEK7VqfBp22Rf71yBI7lxSDYjd2ZWtqo/edit#gid=644602066>)

c) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TX/TP (từ 01/01/2022)

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	32	42	451
2	TX. Buôn Hồ	6	44	288
3	H. Ea H'Leo	76	58	415
4	H. Krông Năng	51	2	274
5	H. Cư M'Gar	7	0	236
6	H. M'Đrăk	30	26	206
7	H. Ea Kar	-	185	586
8	H. Krông Pắc	242	327	2246
9	H. Krông Bông	28	26	310
10	H. Krông Ana	22	24	257
11	H. Cư Kuin	0	0	110
12	H. Lắk	1	0	23
13	H. Buôn Đôn	0	0	99
14	H. Ea Sup	12	-	86
15	H. Krông Buk	0	-	8
TỔNG		507	734	5595

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	0	0	262	0					
2	TP.BMT	365	66	2018	396	0	0	0	0	0
3	TX. Buôn Hồ	11	1	215	18	0	0	0	0	0
4	H. EaH'Leo	96	1	8925	56	0	0	0	0	0
5	H.Krông Năng	0	0	171	12	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	38	7	933	47	0	0	0	0	0
7	H. M'Đrăk	88	0	785	21	0	0	0	0	0
8	H. Ea Kar	251	35	1579	94	0	0	0	0	0
9	H. Krông Pắc	857	11	3067	69	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	71	0	1173	34	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	55	8	1085	113	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	5	1	199	30	0	0	3	2	0
13	H. Lắk	27	2	989	180	0	0	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	85	2	1025	22	0	0	0	0	0
15	H. Ea Sup	-	-	90	90	0	0	37	37	0
16	H. Krông Buk	-	-	186	60	0	0	0	0	0
	TỔNG	1949	134	22702	1242	0	0	73	65	0

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

Sở Y tế đã nhận 15 đợt vắc xin từ Bộ Y tế với 2.714.738 liều, trong đó:

- AstraZeneca : 714.950 liều
- Comirnaty: 948.228 liều
- Moderna: 61.320 liều
- Sinopharm: 990.240 liều

Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Tỷ lệ tiêm chủng (%)			
			Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3	Mũi BS
1	ĐT 18 tuổi trở lên	1.258.824	97.8	89.5	1.4	0.4
2	ĐT từ 50 tuổi trở lên	361.984	96.1	91.7	1.7	0.2
3	ĐT từ 65 tuổi trở lên	103.549	100.0	90.6	2.0	0.3
4	PNCT $\geq$ 13 tuần	22.934	100.0	93.5	2.8	0.3
5	TE 15-17 tuổi	81.015	98.4	75.0		
6	TE 12-14 tuổi	128.048	86.8	0.1		

5. Công tác điều trị trong ngày

a) Tình hình biến động bệnh nhân trong ngày: Tổng số bệnh nhân COVID-19: 13.003 trường hợp, có 10.783 trường hợp ra viện, 71 trường hợp tử vong, hiện còn điều trị 2.149 trường hợp.

- Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	686	715	74	1		44	0
2	BV Dã chiến 02	1500	542	526	32	0		48	0
3	TTYT Krông Búk	230	156	165	21	1	0	11	0
4	BV khu vực 333	300	206	189	4	0	0	21	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	100	76	73	5	0	0	8	0
6	BVĐK Vùng TN	92	49	54	6	0	0	0	2
	Tổng	3222	1715	1722	142	2	0	132	2

- Điều trị F0 tại nhà: mới 12 trường hợp, tích lũy **243** trường hợp, 108 trường hợp khỏi bệnh, chuyển tuyến 02 trường hợp, hiện còn điều trị 133 trường hợp.

b) Phân loại tình trạng bệnh nhân

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n=1.722)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	370	345	0	0	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	306	220	0	0	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	158	7	0	0	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	44	145	0	0	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	68	5	0	0	0	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	4	15	10	20	5	0	0	0	0
	Tổng	950	737	10	20	5	0	0	0	0
	Tỷ lệ %	55.2	42.8	0.6	1.2	0.3	0.0	0.0	0.0	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n=1.722)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	715	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	526	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	165	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	189	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	68	5	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	24	21	3	2	4	0
	Cộng	1687	26	3	2	4	0
	Tỷ lệ %	98.0	1.5	0.2	0.1	0.2	0.0

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều 275 nhân lực/ tổng 1.567 lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục 2*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 ngày 09/01/2022 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục 1: CHI TIẾT CÁC CHÙM CA BỆNH

TT	Chùm ca bệnh	F0	F1	F2
1	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại thôn Nam Hòa, Xã Dray Bhang, Cư Kuin.	18	-	-
2	Liên quan Fo Y Ngheo Mgiáo tại buôn Drah 2, Cư Né, Krông Buk	55	-	-
3	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng, chưa rõ nguồn lây tại Buôn Mrông A, Mrông B, Mrông C, TDP 3A, 3B, 4- TT Ea Kar	129	-	-
4	Chùm ca bệnh tại Buôn Kô Siêr, P. Tân Lập, BMT	3	-	-
5	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, 2, 3, 7, 9, 11, 12, thôn 8, buôn Hluk, buôn Ciêt - xã Ea Tiêu, Cư Kuin	50	-	-
6	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 22, 24, thôn 13, Ea Ning, Cư Kuin	14	-	-
7	Chùm ca bệnh liên quan BN điều trị nội trú tại BVĐK Vùng Tây Nguyên	58	-	-
8	Chùm ca bệnh cộng đồng tại buôn Tuôr A, Tuôr B, buôn Kala, Xã Dray Sap, Krông Ana	137	-	-
9	Liên quan chùm ca bệnh tại 221, 189/1/45 Mai Hắc Đế, Tân Thành, BMT	10	-	-
10	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dong Băk, xã Yang Tao, Lăk. lây qua buôn Yok Đuôn	59	-	-
11	Liên quan chùm ca bệnh tại Pai Pi, xã Đăk Nuê, Lăk Fo Y Song Pang Ting. Lây sang buôn Mih, buôn Dham 2, buôn Kdie 1- Đăk Nuê	179	-	-
12	Chùm ca bệnh tại Thôn 1, 7,9, 11,thôn 12, Hòa Phú, BMT	34	-	-
13	Chùm ca bệnh tại buôn Dham, Xã Ea Bông, Krông Ana	92	-	-
14	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Sut Mdrang, Thôn 2, 3 Cư Suê, Cư M'Gar	41	-	-
15	Chùm ca bệnh tại buôn Hwiê, buôn Cư Mblim, buôn Kao, thôn 4, thôn 3, thôn Tân Hưng - xã Ea Kao, BMT	76	-	-
16	Chùm ca bệnh tại TDP 1,3,4 ,5,6– TT Buôn Tráp – Krông Ana	43	-	-
17	Liên quan đến chùm ca bệnh Buôn Mğăm, buôn Mlôc B, buôn Tai - xã Krông Jing, M'Đrăk	25	-	-
18	Chùm ca bệnh tại Buôn Cuế, Xã Băng Adrênh, Krông Ana. Lây sang buôn K62, Băng Adrênh.	70	-	-
19	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dur Kmal, xã Dur Kmal, Krông Ana.	23	-	-
20	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Kruế, Ea Bông, Krông Ana	4	-	-
21	Liên quan chùm ca bệnh tại Cư Huê, Ea Kar	33	-	-
22	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Suk, buôn Tong Sinh, Xã Ea Đar, Ea Kar	16	-	-
23	Liên quan chùm xã Hòa Tân, Huyện Krông Bông, Đăk Lăk	28	-	-
24	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ga, Xã Ea Kmút, Ea Kar	30	-	-
25	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mùi 2, Mùi 3- Cư Né, Krông Búk	43	-	-
26	Liên quan chùm ca bệnh thôn Đăk Rmút, Xã Krông Nô. Lăk	16	-	-
27	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Yol, Đăk Nuê, Lăk	52	-	-
28	Chùm ca bệnh tại thôn Quỳnh Tân 2, Quỳnh Tân 3, TT Buôn Tráp, Krông Ana	16	-	-
29	Liên quan chùm ca bệnh tại TDP2, TDP3, TDP5, TDP 7, TDP 9, Phường Tân Hòa, BMT	24	-	-
30	Chùm ca bệnh tại thôn 13, 14, Ea Tú, xã Pong Drang, Krông Buk	26	-	-
31	Chùm ca bệnh tại buôn Yon, Xã Bông Krang, Huyện Lăk	6	-	-
32	Chùm ca bệnh tại Cư Mlan, Ea Súp lây sang buôn Păn Lăm, P Tân Lập, BMT	16	-	-
33	Chùm ca bệnh tại chợ TT Ea Súp, Ea Súp	64	-	-

TT	Chùm ca bệnh	F0	F1	F2
34	Chùm ca bệnh tại buôn Yông Hắt, Krông Nô, Lắk	170	-	-
35	Liên quan chùm ca bệnh tại KCN Hòa Phú, BMT	12	-	-
36	Chùm ca bệnh tại buôn Kala, xã Dray Sáp, Krông Ana	6	-	-
37	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Krông Kmar, Krông Bông	7	-	-
38	Chùm ca bệnh tại buôn Hma, Ea Bông, Krông Ana	7	-	-
39	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn Ea Pông, xã Ea Sin, Krông Buk	32	-	-
40	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Ktur, Cư Kuin	11	-	-
41	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Mao, Ea Yiêng, Krông Pắc	15	-	-
42	Liên quan chùm ca bệnh tại Cai A, Trang Yôk – Krông Nô, Lắk	10	-	-
43	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, thôn 4 – Cư Ebur - BMT	26	-	-
44	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Xê Đăng, xã Ea Sar, huyện Ea Kar	23	-	-

Phụ lục 2: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/NHS/YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2	0								2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	3	5						11	1	20	20
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	18	38	4	6	5	2		12	11	96	218
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk	13	25	2	2	3			8	6	59	71
5	Bệnh viện Dã chiến số 03 tỉnh Đắk Lắk											58
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			5				5			10	36
7	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột						2	10	17		29	618
8	Thành phố Hồ Chí Minh	5	5				0				10	14
9	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2	0	0	0			0		0	2	202
10	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	3	8	8				0	6		25	75
11	Khu cách ly Ký túc xá Trường ĐH Tây Nguyên	4	5				1				10	44
12	KCL Trường CĐ Công nghệ TN	4	6								10	10
13	Khu cách ly Trường Chính trị										0	21
14	Khu cách ly Dây nhà bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3		1							1	2	2
15	Khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk										0	8
16	KCL Phân hiệu Trường ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk										0	8
17	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên							0			0	28
18	Trường THPT DTNT N'Trang Long							0			0	70
19	Trường THCS Hòa Phú		0	0							0	40
TỔNG CỘNG		54	93	19	8	8	5	15	54	19	275	1567

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên, sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	46	84	18	9	8	3	0	0	14	182	735
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	10	6	1	3	1	0			0	21	81
1.3	BVĐKTP.Buôn Ma Thuột	10	17	1	0	1	1			5	35	85
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	6	2	8						1	17	41
1.5	Trung tâm Y tế Buôn Đôn	1	2				0				3	24
1.6	Bệnh viện Y HCT		2		0	1				0	3	82
1.7	Trung tâm Y tế Cư M'gar	0	5	0							5	53
1.8	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm			5	3						8	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	0	1								1	8
1.10	TTYT huyện Lắk	3	4								7	16
1.11	TTYT huyện Krông Pắc	0	2								2	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	1	2	0							3	17
1.13	TTYT huyện Krông Búk						0				0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		0								0	24
1.16	Bệnh viện Tâm thần	0	3			1					4	15
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2	0						0	3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng	0	2	0	0					0	2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	3	5			1					9	18
1.20	TTYT huyện M'Drăk		3	1							4	4
1.21	TTYT huyện Krông Ana		0								0	2
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2	4	0	0					0	6	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin	8	16	2	3	3	1			7	40	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		6					0		1	7	80
2	Bệnh viện tư nhân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22
2.1	BVĐK Thiện Hạnh	0									0	11
2.2	BV Nhi Đức Tâm	2									2	2
2.3	BVĐK Hòa Bình	0	0		0						0	9
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa, Phòng khám chuyên khoa....)										0	0
4	Cán bộ y tế hưu trí										0	0
5	Trường ĐH, CĐ	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	696
5.1	Trường ĐH BMT										0	283
5.2	Trường ĐH Tây Nguyên							15			15	345
5.3	Trường Cao đẳng Y tế							0			0	68
6	Bệnh viện Bạch Mai	3	5							1	9	9
7	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh						0				0	2
8	Tình nguyện viên								67		67	103
TỔNG CỘNG		51	89	18	9	8	3	15	67	15	275	1567